

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 6 năm 2021, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 26/2019/TLDS-ST ngày 19-7-2019, về việc tranh chấp: “Thừa kế tài sản”; “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” và “Hợp đồng tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- NgUy đơn: Bà Lê Thị Huệ D, sinh năm 1951; cư trú tại: Số 446, đường LLQ, K4, P3, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ngUy đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1953; cư trú tại: Số 96, đường NVR, kp1, P4, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Lê THành T, sinh năm 1953; cư trú tại: Số 46 (số cũ K96/3), hẻm 7, đường LLQ, K4, P3, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1985; cư trú tại: Số 6, ấp PH, xã SĐ, huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1942; cư trú tại: Ấp XK, xã LG, huyện BC, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1953; cư trú tại: Số 96, đường NVR, kp1, P4, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Lê Thị Huệ Hu, sinh năm 1948; cư trú tại: 918 M, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hu: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1953; cư trú tại: Số 96, đường NVR, kp1, P4, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Anh Lê Thiên Ch, sinh năm 1986; cư trú tại: Số 46 (số cũ K96/3), hẻm 7, đường LLQ, K4, P3, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Chị Lê Thị Cúc Ph, sinh năm 1988; cư trú tại: Số 46 (số cũ K96/3), hẻm 7, đường LLQ, K4, P3, tp TN, tỉnh Tây Ninh;

+ Bà Trần Thị Bạch L, sinh năm 1962; cư trú tại: Số 43, hẻm 7, đường LLQ, K4, P3, tp TN, tỉnh Tây Ninh;

+ Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1974; cư trú tại: K4, P3, tp TN, tỉnh Tây Ninh;

+ Bà Dương Thanh L, sinh năm 1979; cư trú tại: K4, P3, tp TN, tỉnh Tây Ninh;

+ Chị Cao Thị Bảo Uy, sinh năm 1970; cư trú tại: 1907 W, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Uy: Bà Nguyễn Thị Dạ H, sinh năm 1968; cư trú tại: Kp 3, P4, tp TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Địa chỉ trụ sở chính: Số 02, Láng Hạ, pHu THành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Châu Thành T – Giám đốc Phòng Giao dịch khu vực Hiệp Ninh, thuộc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Thành T được quyền quản lý sử dụng (hưởng thừa kế) phần đất có diện tích 238,60 m², thuộc thửa đất số 396, tờ bản đồ số 15, đất tọa lạc tại: K4, P3, tp TN, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02227 ngày 20-4-2013, cấp cho Lê Thành T đứng tên. Đất có tứ cận (*có trích đo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*).

2.2 Bà Lê Thị Huệ D, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Huệ Hu được quyền quản lý sử dụng chung (hưởng thừa kế chung) phần đất có diện tích 179 m², thuộc thửa 65, tờ bản đồ số 14, đất tọa lạc tại: K4, P3, tp TN, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00160 QSDĐ/143/2001/QĐ-UB(HL) ngày 27-9-2001, cấp cho hộ ông (bà) Lê Thành T đứng tên (*diện tích đất còn lại thực tế theo giấy này và có đính chính tại trang 4 nội D “về tên hộ ông (bà) Lê Thành T có sai sót, nay đính chính: Ông Lê Thành T, sn: 1953, CMND: 290401434 và bà Trần Thị Bạch L, sn: 1962, CMND: 290088149”*). Bà Lê Thị Huệ D, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Huệ Hu đều thống nhất đồng ý để bà Lê Thị Huệ D đại diện đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất có tứ cận (*có trích đo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo*).

2.3. Ông Lê Thành T và chị Cao Thị Bảo Uy đồng ý hủy bỏ “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giữa ông Lê Thành T với chị Cao Thị Bảo Uy, theo giấy viết tay “Giấy sang nhà đất” ghi ngày 29-10-1997. Bà Lê Thị Huệ D tự nguyện có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho chị Cao Thị Bảo Uy số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng (*bà D tự nguyện trả thay ông T số tiền này là*

tiền ông T đã nhận tiền bán đất của chị Uy).

2.4. Riêng phần đất 240,1 m², thửa đất số 395, tờ bản đồ số 15, tại: K4, P3, tp TN ông Lê Thành T tặng cho anh Lê Thiên Ch (con ông T). Anh Ch chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn B, chị Dương Thanh L và anh B, chị L đã được cấp giấy đất nên các bên đương sự đều xác định không còn là di sản thừa kế của cụ B, cụ N.

2.5. Tất cả các đương sự trong vụ án đều không yêu cầu giải quyết đối với các tài sản, cây trồng khác có trên đất và thống nhất người nhận đất được hưởng các tài sản, cây trồng này.

2.6. Đối với căn nhà cấp 4 đã cũ được xây dựng trên giữa phần đất tranh chấp, tất cả các đương sự trong vụ án đều thống nhất đồng ý cho ông T tự nguyện đập phá bỏ căn nhà cấp 4 này và các tài sản công trình phụ khác để chia đất theo thỏa thuận nêu trên.

2.7. Ghi nhận Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Tây Ninh – Phòng Giao dịch Khu vực Hiệp Ninh, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án này đối với Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-201908387 ngày 30-9-2019 và Hợp đồng thế chấp số 436/2019/HĐTC ngày 30-9-2019, giữa Ngân hàng với ông Lê Thành T. Nếu ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

2.8. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định này.

2.9. Về chi phí tố tụng, thẩm định, đo đạc, tài sản tranh chấp: Bà Lê Thị Huệ D tự nguyện chịu. Ghi nhận bà D đã nộp tạm ứng và đã chi phí xong.

2.10. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xét thấy, Bà Lê Thị Huệ D, bà Lê Thị Thu H, bà Lê Thị Huệ Hu và ông Lê Thành T đều là người cao tuổi nên miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H, bà D, bà Hu, ông T.

2.11. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tuấn